

HIỆN THỰC HÓA CỘNG ĐỒNG KINH TẾ ASEAN VÀ HIỆP ĐỊNH ĐỐI TÁC XUYÊN THÁI BÌNH DƯƠNG – CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC ĐỐI VỚI TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ VIỆT NAM

Trần Tấn Hùng

Trường Đại học Thủ Dầu Một

TÓM TẮT

Việt Nam đang đẩy mạnh hội nhập thị trường khu vực và toàn cầu. Trong tiến trình hội nhập, với vai trò là thành viên của ASEAN, Việt Nam đã tích cực trong hiện thực hóa Cộng đồng kinh tế ASEAN (AEC) và Hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP). Đánh giá kết quả đạt được từ tham gia Khu vực mậu dịch do ASEAN (AFTA) trong thời gian qua, kết hợp với việc tiến trình thực hiện các cam kết của AEC cũng như khi TPP trở thành hiện thực trong tương lai sẽ có những tác động như thế nào đến nền kinh tế Việt Nam là điều hết sức cần thiết. Trên cơ sở này, bài viết sẽ xác định những cơ hội và thách thức đối với tăng trưởng kinh tế Việt Nam trong giai đoạn sắp tới, đồng thời đưa ra một số gợi ý phù hợp cho Việt Nam với mục tiêu tận dụng tối đa các lợi ích từ tự do hóa thương mại trong AEC và TPP.

Từ khóa: *hội nhập kinh tế, tự do hóa, thương mại, lợi thế, cạnh tranh*

1. Giới thiệu

Hội nhập kinh tế thế giới và khu vực đã trở thành xu thế tất yếu trong nền kinh tế thị trường. Việt Nam và các nước trong khu vực ASEAN đã có những bước tiến quan trọng trong hợp tác về kinh tế cũng như văn hóa xã hội. Với mốc lịch sử đầu tiên khi ASEAN được thành lập từ năm 1967 gồm 5 quốc gia, đến năm 1999 có thể xem là điểm kết quan trọng khi 10 nước trong khu vực đã trở thành thành viên của ASEAN[1]. Thành tựu đầu tiên đóng vai trò quyết định trong hợp tác kinh tế ASEAN chính là sự thành lập AFTA vào ngày 28/1/1992 với công cụ chính là Hiệp định ưu đãi về thuế quan có hiệu lực chung (CEPT). Mục tiêu chính của CEPT 1992 là cắt giảm thuế quan đối với hàng hóa mua bán giữa các quốc gia thành viên trong khối

xuống còn 0 – 5% trong vòng 10 năm và tiến đến xóa bỏ hàng rào phi thuế quan. Kết quả đến ngày 01/01/2010, các nước ASEAN - 6 (Brunei, Indonesia, Malaysia, Philippines, Singapore và Thái Lan) đã đưa về mức thuế suất 0% đối với 99,65% tổng số dòng thuế thương mại theo Biểu thuế quan ưu đãi có hiệu lực chung (CEPT/AFTA). Các quốc gia còn lại bao gồm Cam-pu-chia, Lào, Myanmar và Việt Nam cũng đã đưa 98,86% dòng thuế xuống mức 0 – 5%. Với tầm nhìn xây dựng một cộng đồng ASEAN thân thiện, thúc đẩy hòa bình, ổn định, thịnh vượng và cùng hợp tác phát triển năng động, năm 2003 các nhà lãnh đạo ASEAN đã tuyên bố thành lập cộng đồng ASEAN vào năm 2020. Đến năm 2007, các nhà lãnh đạo ASEAN đã nhất trí rút ngắn thời điểm hoàn thành cộng

đồng ASEAN vào năm 2015 với ba trụ cột chính là Cộng đồng kinh tế ASEAN (AEC), Cộng đồng An ninh – Chính trị ASEAN (APSC) và Cộng đồng Văn hóa-Xã hội ASEAN (ASCC). Để thực hiện mục tiêu một thị trường đơn nhất, một không gian sản xuất chung trong đó hàng hóa được lưu chuyển tự do, các biện pháp liên quan đến thương mại hàng hóa phải được quy định trong một khuôn khổ thống nhất, tháng 8/2007 các nước thành viên ASEAN đã nhất trí xây dựng một Hiệp định điều chỉnh toàn diện các hoạt động liên quan đến thương mại hàng hóa thay cho CEPT 1992. Hiệp định thương mại hàng hóa ASEAN (ATIGA)[17] đã được ký kết vào ngày 26/2/2009 và chính thức có hiệu lực khi được các nước thành viên thông qua ngày 17/5/2010. ATIGA tổng hợp và kế thừa tất cả các điều khoản trong CEPT/AFTA cũng như các cam kết liên quan đến thương mại hàng hóa, các cơ chế để áp dụng cũng như các thỏa thuận về thể chế. Riêng về thỏa thuận cắt giảm thuế quan, tính đến 01/01/2015 Việt Nam đã hoàn thành lộ trình cắt giảm thuế quan theo cam kết với 93% dòng thuế về 0%, 687 dòng thuế còn lại (tương ứng với 7% biểu thuế) sẽ xuống 0% vào 2018 (trừ nông sản chưa chế biến) [13], [15].

2. Tác động của CEPT/AFTA và ATIGA đến kinh tế Việt Nam và ASEAN

Tiến trình tự do hóa thương mại với thực hiện CEPT/AFTA và ATIGA đã gắn liền với lộ trình tháo dỡ hàng rào thuế quan trong giao dịch hàng hóa nội khối, tạo điều

kiện thuận lợi cho việc trao đổi hàng hóa giữa Việt Nam với các nước ASEAN và ngược lại, đã có những ảnh hưởng tích cực đến GDP và kim ngạch xuất nhập khẩu.

Thay đổi trong GDP của Việt Nam và các nước thành viên ASEAN

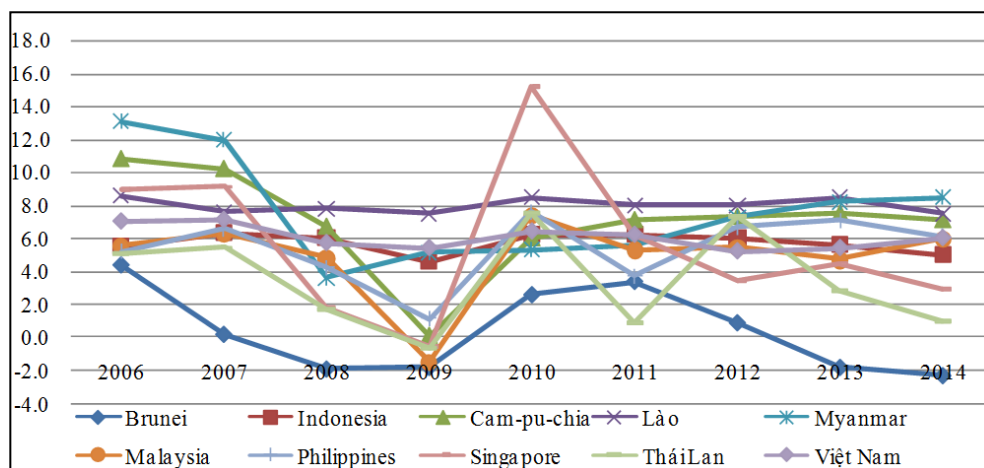
Tính theo tỷ giá USD hiện hành của từng năm, GDP của ASEAN đã có bước tiến khá quan trọng trong giai đoạn 2006 - 2014 (Bảng 1). Riêng giai đoạn 2008 - 2009 do tác động của khủng hoảng kinh tế thế giới, GDP của Brunei, Malaysia, Philippines và Thái Lan có bị ảnh hưởng, nhưng sau đó nền kinh tế của các nước này đã nhanh chóng hồi phục và duy trì đà tăng trưởng. Nhìn chung giai đoạn 2006 - 2014, ASEAN đã duy trì tốc độ tăng trưởng GDP khá ổn định (biểu đồ 1). Đây là điểm chính thể hiện tác động rõ rệt của tự do hóa thương mại trong nội khối và gia tăng năng lực cạnh tranh của từng nước thành viên. Từ cắt giảm thuế quan trong nội khối đến thỏa thuận mở rộng các cam kết về thương mại đã thúc đẩy dòng thương mại đa chiều giữa các nước trong khu vực. Riêng đối với Việt Nam, GDP đã tăng dần qua các năm, tính đến 2014, về số tuyệt đối GDP đã tăng 2,8 lần so với năm 2006. Tỷ trọng GDP của Việt Nam so với GDP của ASEAN đã gia tăng từ 5,8% (2006) lên 7,4% (2014). Số liệu này chứng tỏ Việt Nam đã có những chính sách thích hợp trong phát triển kinh tế, nhưng mặt khác cũng thể hiện các lợi ích từ tự do hóa thương mại mà Việt Nam đã khéo léo khai thác và tận dụng cơ hội.

Bảng 1. GDP của Việt Nam và các nước ASEAN giai đoạn 2006 – 2014 (đơn vị: tỷ USD)

Quốc gia	2006	2007	2008	2009	2010	2011	2012	2013	2014
Brunei	11.47	12.247	14.393	10.732	12.37	16.691	16.953	16.11	17.104
Indonesia	364.57	432.216	510.228	539.58	755.094	892.969	917.869	910.478	888.538
Cam-pu-chia	7.274	8.639	10.351	10.401	11.242	12.829	14.038	15.449	16.777

Lào	3.452	4.222	5.443	5.832	7.181	8.283	9.359	11.192	11.997
Myanmar	13.123	19.618	31.367	35.226	45.38	51.444	74.69	58.652	64.33
Malaysia	162.69	193.547	230.813	202.257	255.016	297.951	314.442	323.342	338.103
Philippines	122.21	149.359	174.195	168.334	199.59	224.143	250.092	271.927	284.777
Singapore	147.797	179.981	192.225	192.408	236.421	275.364	289.935	302.245	307.859
Thái Lan	221.758	262.942	291.383	281.574	340.923	370.608	397.471	420.166	404.823
Việt Nam	66.371	77.414	99.13	106.014	115.931	135.539	155.82	171.222	186.204
Tổng cộng	1,120.715	1,340.185	1,559.528	1,552.358	1,979.148	2,285.821	2,440.669	2,500.783	2,520.512

Nguồn: World Bank data ^[19] và WTO (Trade profiles) ^[12]



Biểu đồ 1. Tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam và các nước ASEAN giai đoạn 2006 – 2014
(nguồn: World Bank data (2014) [19])

Thay đổi trong kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam

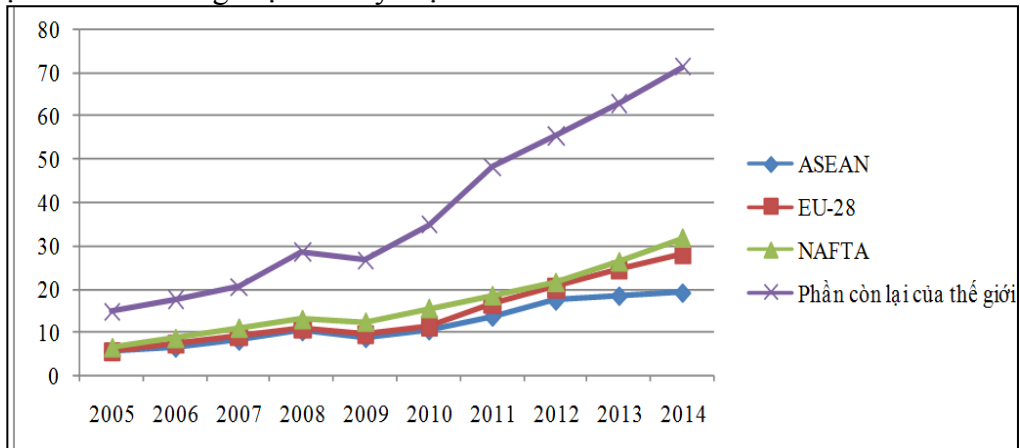
Với chính sách thúc đẩy nền kinh tế hướng về xuất khẩu, kim ngạch xuất khẩu Việt Nam đã gia tăng mạnh và ổn định, với mức 32,44 tỷ USD (2000) đã đạt 150,22 tỷ USD (2014) tương ứng với tốc độ tăng 463%. Xem xét các thị trường xuất khẩu chính như ASEAN, EU-28, NAFTA..., xuất khẩu của Việt Nam giai đoạn 2005 - 2008 vẫn gia tăng về giá trị và tốc độ tăng trưởng (biểu đồ 2). Nếu xét đến tác động của khủng hoảng toàn cầu 2008-2009 đã ảnh hưởng đến nhiều nền kinh tế, nhưng kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam vẫn duy trì và tăng trưởng cho thấy nền kinh tế Việt Nam đã có những bước chuyển khá ổn định

và bền vững. Nếu so sánh với Philippines, một nền kinh tế tương đương với Việt Nam, thì giai đoạn 2000 - 2012 kim ngạch xuất khẩu của Philippine biến động khá cao và tốc độ tăng chậm, kể cả kim ngạch xuất khẩu từ Philippines sang các nước nội khối ASEAN (Nguyễn Hồng Sơn, Nguyễn Anh Thu, 2015) [4] thì trường hợp Việt Nam, kim ngạch xuất khẩu trong nội khối ASEAN vẫn duy trì tỷ trọng 16%-18% tổng kim ngạch xuất khẩu và gia tăng lên 19% vào năm 2014 với thị trường chủ yếu là Indonesia, Campuchia, Lào, Myanmar và Brunei là một kết quả khả quan.

Từ khía cạnh xuất khẩu cho thấy việc cắt giảm thuế quan và đẩy mạnh tự do hóa thương mại trong ASEAN đã tạo ra

những hiệu ứng tích cực và hiệu quả với Việt Nam. Với xu thế hội nhập toàn cầu, Việt Nam đã chủ động khai thác các thị trường tiềm năng, khai thác mặt tích cực trong tự do hóa thương mại để đẩy mạnh

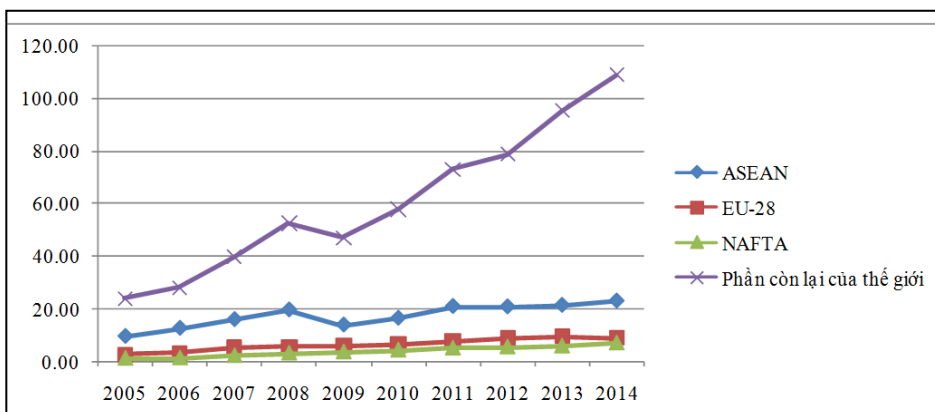
tăng trưởng thương mại không chỉ trong nội khối ASEAN mà còn mở rộng sang các thị trường khác như EU-28, NAFTA, MERCOSUR...



Biểu đồ 2. Kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang ASEAN và một số thị trường chính trên thế giới, 2005 – 2014 (đơn vị: tỷ USD) [7]

Thay đổi trong kim ngạch nhập khẩu của Việt Nam

Thực hiện cam kết ATIGA, tính đến năm 2014 Việt Nam đã cắt giảm 6.897 dòng thuế (chiếm 72% tổng dòng thuế nhập khẩu) và bước qua năm 2015 đã cắt giảm thêm 1.706 dòng thuế, đưa tỷ lệ cắt giảm các dòng thuế lên đến 93%. Điều này đã tạo thuận lợi cho hàng hóa từ ASEAN xâm nhập vào thị trường Việt Nam. Với số liệu kim ngạch nhập khẩu từ các nước ASEAN đã gia tăng khá ổn định từ 9,46 tỷ USD (2005) lên 22,97 tỷ USD (2014), tương ứng với tốc độ tăng 243% (biểu đồ 3).



Biểu đồ 3. Kim ngạch nhập khẩu của Việt Nam từ ASEAN và một số thị trường chính trên thế giới, 2005 – 2014 (đơn vị: tỷ USD) [7]

Tuy nhiên xét về tỷ trọng nhập khẩu từ các nước ASEAN lại có xu hướng giảm dần, tỷ trọng kim ngạch nhập khẩu từ

ASEAN giai đoạn 2005 - 2008 từ 25% - 28% đã giảm xuống 16% (2013 - 2014). Điều này cũng có thể lý giải là các sản

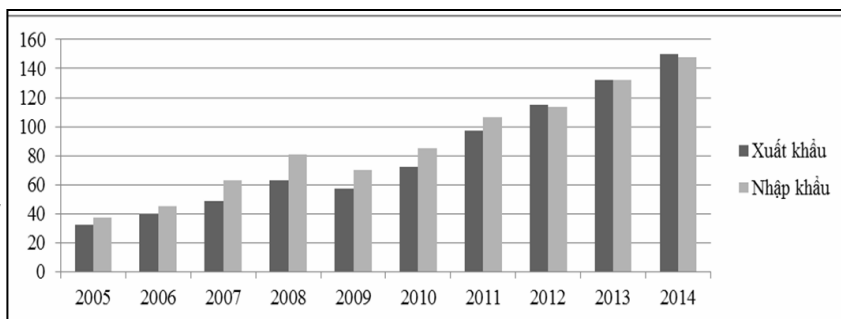
phẩm chính của các nước ASEAN, đặc biệt là Singapore, Thái Lan, Indonesia, Malaysia có lợi thế so sánh tương đương với Việt Nam như dệt may, da giày, nông sản... Do vậy, Việt Nam chủ yếu nhập khẩu những sản phẩm có giá rẻ từ lợi ích cắt giảm thuế quan từ các nước phát triển trong nội khối như Singapore, Thái Lan, Malaysia với các sản phẩm máy vi tính và

linh kiện, xăng dầu, điện gia dụng, dầu ăn, linh kiện ô tô, chất dẻo nguyên liệu.

Thay đổi trong cán cân thương mại của Việt Nam

Xét giai đoạn từ 2005 đến 2014, với kim ngạch xuất khẩu duy trì tốc độ tăng trưởng và tăng cường kiểm soát nhập khẩu, cán cân thương mại của Việt Nam đã có chuyển hướng tích cực từ thâm hụt đến cân bằng trong giai đoạn 2012 - 2014 (biểu đồ 4).

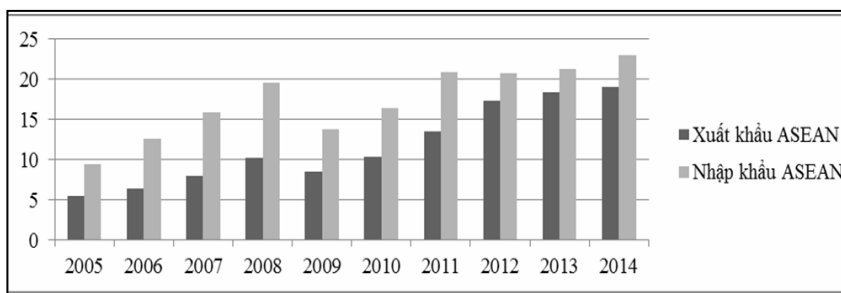
Biểu đồ 4. Kim ngạch xuất – nhập khẩu Việt Nam 2005 – 2014 (đơn vị: tỷ USD)



Nguồn: Niên giám thống kê của Tổng cục Hải quan Việt Nam (2014) [7]

Tuy nhiên tình trạng thâm hụt cán cân thương mại giữa Việt Nam và các nước ASEAN vẫn duy trì tương đối ổn định, chủ yếu là thâm hụt trong cán cân thương mại với các nước có trình độ phát triển cao hơn như Singapore, Thái Lan, Malaysia. Như vậy cắt giảm thuế quan trong thương mại về cơ bản đã cải thiện cán cân thương mại Việt nam theo hướng tích cực, đẩy mạnh xuất khẩu các sản phẩm có lợi thế so sánh cũng như gia tăng nhập khẩu những sản phẩm có giá rẻ từ các nước trong nội khối ASEAN (biểu đồ 5).

Biểu đồ 5. Kim ngạch xuất – nhập khẩu Việt Nam và ASEAN 2005 – 2014 (đơn vị: tỷ USD)



Nguồn: Niên giám thống kê của Tổng cục Hải quan Việt Nam (2014) [7]

3. TPP và những dự báo tác động đến kinh tế Việt Nam

TPP được định hình từ năm 2010 và chính thức được công bố vào tháng 11/2015, là một nỗ lực rất lớn của 12 nước thành viên sau nhiều vòng đàm phán khá căng thẳng. Mỹ là quốc gia đóng vai trò

chủ đạo trong quá trình đưa TPP trở thành hiện thực. TPP được xem là một “điểm nút” của thương mại tự do khi bên cạnh các mục tiêu bình thường của các Hiệp định thương mại tự do (FTAs) là tự do hóa thương mại – dịch vụ, thì các mục tiêu khác được nhấn mạnh và bao trùm nhiều lĩnh

vực có liên quan như tiêu chuẩn lao động và môi trường trong quá trình sản xuất, cạnh tranh thương mại, doanh nghiệp nhà nước, mua sắm của Chính phủ, thương mại điện tử, cơ chế giải quyết tranh chấp... TPP được xem là Hiệp định thương mại tự do của thế kỷ 21 khi cam kết thực hiện các nội dung của TPP được tiến hành đồng thời, không chia nhiều giai đoạn như các FTAs bình thường khác.

Theo kết quả nghiên cứu của Peter A. Petri, Michael G. Plummer và Fan Zhai (2011) [5], Peter A. Petri, Michael G. Plummer [6], GDP và kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam nói riêng và các nước thành viên TPP sẽ có những tăng trưởng mạnh mẽ. Kết quả nghiên cứu dự báo riêng đối với Việt Nam đến năm 2025 trong trường hợp TPP có hiệu lực thì GDP sẽ đạt đến con số 340 tỷ USD (tăng 35% so 2014) và kim ngạch xuất khẩu sẽ đạt 239 USD (tăng 59% so với 2014) so với trường hợp không có TPP. Kết quả nghiên cứu này có thể lý giải dựa trên những cơ sở sau:

– Với 12 thành viên nằm trong khu vực Châu Á- Thái Bình Dương, gồm những nước phát triển hàng đầu trên thế giới như Mỹ, Nhật Bản, Úc, New Zealand..., TPP là sự kết hợp của nhiều khu vực kinh tế: NAFTA (Mỹ, Canada, Mexico); ASEAN (gồm Singapore, Malaysia, Brunei, Việt Nam); Đông Á (Nhật Bản); Nam Mỹ (Peru, Chile); Châu Đại dương (Úc, New Zealand). Trong đó thị trường NAFTA và Nhật Bản là những thị trường xuất khẩu chính của Việt Nam về dệt may, da giày, đồ gỗ, thủy sản. Điển hình là sản phẩm dệt may xuất khẩu vào Mỹ hiện đang chiếm khoảng 1/2 tổng kim ngạch xuất khẩu của sản phẩm dệt may. Với thuế suất nhập khẩu trung bình của Mỹ đối với sản phẩm dệt may là 17,3%, cao nhất 32% sẽ giảm xuống

0% với TPP, thì lợi thế cạnh tranh và giá trị gia tăng của sản phẩm dệt may Việt Nam sẽ rất lớn (Võ Trí Thành, 2015) [10].

– Với sự mở rộng về dịch vụ và đầu tư song song với sự dịch chuyển tự nhiên nhân, dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) kết hợp với công nghệ cao, công nghệ “xanh” sẽ tiếp tục dịch chuyển từ các quốc gia phát triển trong TPP sang các nước thành viên, trong đó có Việt Nam. Các doanh nghiệp FDI Việt Nam sẽ góp phần quan trọng trong gia tăng GDP, kim ngạch xuất khẩu, giải quyết việc làm, nâng suất lao động, thu nhập bình quân đầu người và phát triển các dịch vụ có giá trị gia tăng cao.

– Các cam kết của TPP về tạo lập một môi trường đầu tư minh bạch, cạnh tranh công bằng, thực thi quyền sở hữu trí tuệ, bảo vệ môi trường và quyền lợi của người lao động... là những yếu tố quyết định thu hút đầu tư, phân bổ hiệu quả vốn đầu tư trong và ngoài nước.

4. Thách thức của kinh tế Việt Nam khi hội nhập với AEC và TPP

Theo Báo cáo chỉ số cạnh tranh toàn cầu 2015 - 2016 của Diễn đàn kinh tế thế giới (WEF) [11], Việt Nam đã vượt lên 2 bậc từ thứ hạng 70 (2013 - 2014) lên 68/144. Tuy nhiên với kết quả này Việt Nam vẫn chỉ xếp ở nhóm trung bình của ASEAN, chỉ cao hơn Lào, Campuchia và Myanmar (riêng Brunei không có trong danh sách các nước được xếp hạng). Với mục tiêu của AEC [1] tiến đến một thị trường đơn nhất và một không gian sản xuất chung thì 5 yếu tố chính là: (i) các dòng hàng hóa tự do; (ii) các dòng dịch vụ tự do; (iii) các dòng đầu tư tự do; (iv) các dòng vốn tự do hơn và (v) các dòng lao động tự do cùng với các nội dung được triển khai đồng thời của TPP sẽ đặt ra cho Việt Nam nhiều khó khăn và thách thức.

Thứ nhất, mở rộng hội nhập đồng nghĩa với gia tăng sức ép cạnh tranh. Đối với Việt Nam thì một số ngành đang được bảo hộ hoặc được hưởng nhiều ưu đãi và các doanh nghiệp có năng lực cạnh tranh kém sẽ phải thu hẹp qui mô sản xuất hoặc lâm vào tình trạng phá sản [8], [9]. Điều này sẽ dẫn đến nhiều vấn đề xã hội phát sinh (ví dụ: thất nghiệp, an sinh xã hội...). Tự do hóa thương mại không đồng nghĩa là xóa bỏ hết rào cản mà các yêu cầu mang tính chất kỹ thuật như: xuất xứ hàng hóa; chất lượng sản phẩm và nhãn mác; các biện pháp về an toàn vệ sinh thực phẩm và kiểm dịch động thực vật (SPS) [12]; tiêu chuẩn về lao động (ILO) [3]; tiêu chuẩn về điều kiện làm việc (SA8000); hệ thống quản lý môi trường (ISO 14001); quy trình sản xuất, chế biến (GAP [2] hay quy định riêng của Mỹ đối với cá ba sa nhập khẩu vào Mỹ)... sẽ càng được các nước nhập khẩu chú trọng. Đây được xem là những thách thức rất lớn đối với các doanh nghiệp sản xuất hàng xuất khẩu của Việt Nam trong duy trì và mở rộng thị phần.

Thứ hai, theo Báo cáo 2015 - 2016 của WEF [11], trình độ công nghệ của Việt Nam xếp hạng 99/144 quốc gia được khảo sát, vẫn ở mức độ trung bình của ASEAN, chỉ tiêu của doanh nghiệp cho R&D và khả năng sáng tạo đổi mới của doanh nghiệp Việt Nam chỉ xếp trên Campuchia và Myanmar. Ngoài một số ngành như bưu chính, viễn thông, dầu khí, hàng điện tử tiêu dùng, thủy điện, xi măng..., công nghệ của các ngành sản xuất còn lại vẫn là công nghệ của thập niên 60 – 70 của thế kỷ trước [16]. Bên cạnh đó năng suất lao động vẫn ở mức thấp so với ASEAN và thế giới. Theo một nghiên cứu của Tổ chức lao động thế giới, năng suất lao động năm 2013 [3] của Việt Nam thuộc nhóm thấp nhất của khu

vực Châu Á - Thái Bình Dương, thấp hơn Singapore 15 lần, hoặc chỉ bằng 1/5 của Malaysia, bằng 2/5 so với Thái Lan. Báo cáo của Ngân hàng thế giới (WB) [19] và Tổ chức hợp tác và phát triển kinh tế (OECD) công bố ngày 24/11/2014 đã phân tích điểm yếu nội tại của Việt Nam là còn yếu và kém về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Trình độ khoa học công nghệ yếu kém và năng suất lao động thấp sẽ là thách thức rất lớn đối với Việt Nam khi với gần 600 ngàn doanh nghiệp nhưng 90% lại là doanh nghiệp nhỏ và vừa [14].

Thứ ba, thị trường vốn Việt Nam chưa đáp ứng đủ lực cho nền kinh tế. Ba chỉ số thường được sử dụng để đánh giá sự phát triển của thị trường vốn là: giá trị tài sản ngân hàng thương mại so với GDP; giá trị tài sản ngân hàng trung ương so với GDP và vốn hóa thị trường so với GDP. Nếu xét chỉ số vốn hóa thị trường thì theo WEF [11], giá trị vốn hóa thị trường của các công ty cổ phần niêm yết Việt Nam năm 2014 chỉ chiếm tỷ lệ 24,7%, thấp hơn rất nhiều so với Indonesia (47,5%), Philippines (91,9%), Thái Lan (106,3%) và Singapore (244,5%). Năng lực của ngân hàng thương mại Việt Nam tuy đã được tái cơ cấu trong thời gian qua nhưng khả năng mở rộng tầm hoạt động trong ASEAN trong xu thế tự do hóa tài chính vẫn bộc lộ sức kém cạnh tranh. Đến nay chỉ có 4 ngân hàng lớn là Vietinbank, BIDV, Ngân hàng Quân đội và Sacombank đã thành lập chi nhánh tại Lào, Campuchia, riêng BIDV đã có văn phòng đại diện tại Myanmar, còn thị trường các nước ASEAN khác vẫn còn bỏ ngỏ (Nguyễn Hồng Sơn – Nguyễn Anh Thu, 2015) [4].

Thứ tư, năng lực quản trị doanh nghiệp trong liên kết tạo lập chuỗi giá trị và ứng phó đối với các cú sốc kinh tế thế giới và

khu vực còn hạn chế, là nội dung cần nghiên cứu và tìm ra giải pháp trong giai đoạn hiện nay.

5. Một số định hướng và gợi ý

Về góc độ Chính phủ, trong chiến lược tổng thể phát triển kinh tế- xã hội cần tập trung cải cách và xây dựng hệ thống chính sách trên một số lĩnh vực chủ yếu:

- Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường với mục đích tạo lập một sân chơi chung cho tất cả các thành phần kinh tế, khẳng định và tăng cường vai trò, vị thế của thành phần kinh tế tư nhân.

- Chính sách tái cấu trúc nền kinh tế cần gắn chặt với các cam kết trong tự do hóa thương mại, giải quyết khôn khéo các chồng chéo trong thực hiện các FTAs giữa ASEAN và các đối tác, các FTAs song phương giữa Việt Nam với các nước và các khu vực thương mại tự do khác.

- Để chuẩn bị tiến trình hội nhập tài chính trong AEC, chính phủ cần tập trung nghiên cứu và sửa đổi các văn bản quy phạm pháp luật nhằm tiếp tục tái cấu trúc hệ thống ngân hàng thương mại, gia tăng tỷ lệ vốn sở hữu của các đối tác chiến lược nước ngoài đối với các ngân hàng đang hoạt động kém hiệu quả, song song đó cần khẩn trương xây dựng kế hoạch tổng thể và lộ trình phù hợp về tự do hóa dịch vụ tài chính, tự do hóa tài khoản vốn, xây dựng cơ sở hạ tầng dài hạn để thúc đẩy phát triển thị trường vốn, nhằm thực hiện hợp tác qua biên giới giữa các thị trường vốn trong khu vực ASEAN.

- Xác định chiến lược phát triển các ngành có lợi thế cạnh tranh song song với chính sách hỗ trợ tập trung cho các doanh nghiệp đầu đàn, đưa các doanh nghiệp này trở thành trung tâm trong chuỗi liên kết giá trị. Bên cạnh đó là chiến lược liên kết và phát triển cụm ngành gắn liền với các khu vực kinh tế trọng điểm.

- Xây dựng một cơ chế giám sát hữu hiệu đối với cơ quan và công chức nhà nước để đánh giá đúng mức độ về tinh thần trách nhiệm, tính minh bạch và thái độ phục vụ của bộ máy chính phủ trong phục vụ công dân và doanh nghiệp nhằm giảm đến mức thấp nhất phí tổn xã hội trong tuân thủ pháp luật.

- Củng cố và đề cao vai trò của các hiệp hội doanh nghiệp trong hội nhập và phát triển kinh tế, nâng cao chất lượng thông tin hai chiều giữa chính phủ và các hiệp hội, giữa các hiệp hội với nhau và giữa hiệp hội với các doanh nghiệp thành viên.

Về góc độ doanh nghiệp Việt Nam, điều cấp bách là nhanh chóng thay đổi tư duy và gia tăng năng lực quản trị:

- Tự do hóa thương mại đồng nghĩa với chấp nhận các quy luật của kinh tế thị trường. Tự thân vận động, tìm cơ hội kinh doanh, dự báo và khai thác tốt thông tin thị trường là yếu tố quyết định sự tồn tại và phát triển, xóa bỏ tư tưởng nương tựa và đòi hỏi các chính sách mang tính bảo hộ của chính phủ.

- Chủ động, tích cực trong tạo lập, gia nhập chuỗi liên kết với các doanh nghiệp đầu đàn trong ngành, cũng như giữa các doanh nghiệp trong cùng ngành. Hoàn thiện quy trình sản xuất, vận hành và kiểm soát được từng giai đoạn của quy trình, có kế hoạch đổi mới công nghệ từng bước theo tiêu chí “xanh” và “sạch” sẽ giúp doanh nghiệp quản lý tốt về giá thành cũng như chủ động đối phó với các tranh chấp và các tình huống bất lợi có thể xảy ra trong thương mại quốc tế.

- Gia tăng quy mô về vốn bằng nhiều phương thức huy động. Đặc biệt là thuyết phục được nhà đầu tư, các tổ chức tài chính tín dụng, các quỹ đầu tư mạo hiểm ... dựa trên khả năng sinh lợi và dòng tiền “dương” từ dự án kêu gọi đầu tư.

– Nâng cao năng lực quản trị về tài chính, về khả năng đàm phán, về giao dịch thương mại điện tử, về nắm bắt và dự báo những thay đổi của chính sách kinh tế vĩ mô..., nhất là khả năng tự ứng phó đối với những rủi ro phi hệ thống có thể xảy ra (trong nước, khu vực hoặc thế giới) trong bối cảnh một nền kinh tế mở và nhiều biến động phức tạp.

6. Kết luận

Các cam kết thực thi AEC, TPP và các FTAs mà Việt Nam đã và đang trở thành thành viên đặt ra những cơ hội vô cùng to lớn nhưng cũng đi kèm những thách thức, nguy cơ tiềm ẩn đối với Việt Nam trong thực hiện chiến lược phát triển kinh tế-xã

hội. Hội nhập là xu thế tất yếu, do đó điều quyết định là những chính sách khéo léo và kịp thời của chính phủ đi kèm với nỗ lực và quyết tâm của toàn xã hội và cộng đồng doanh nghiệp. Với những kinh nghiệm mà Việt Nam đã đạt được qua 9 năm là thành viên của WTO, lộ trình hơn 15 năm thực hiện ATIGA, khả năng thay đổi về tư duy và thích ứng của cộng đồng doanh nghiệp Việt Nam sẽ là những hành trang quý báu giúp Việt Nam khai thác được những ưu thế của tự do hóa thương mại, đóng góp tích cực và hiệu quả, hướng đến một ASEAN hòa bình, hợp tác và phát triển, khẳng định vị thế của Việt Nam trong cộng đồng ASEAN và trên trường quốc tế.

REALIZATION OF ASEAN ECONOMIC COMMUNITY AND THE TRANS-PACIFIC PARTNERSHIP – OPPORTUNITIES AND CHALLENGES FOR VIETNAM ECONOMIC GROWTH

Tran Tan Hung

ABSTRACT

Vietnam is now deepening its integration into market area and market global . In its economic integration and through the role of ASEAN member, Vietnam has participated actively for the realization of the ASEAN Economic Community (AEC) and the Agreement on the Trans-Pacific Partnership (TPP). With the evaluation of the results achieved from participating ASEAN Trade Area (AFTA) in recent years, link-up with the progress in implementing the commitments of the AEC and the TPP will become a reality in the future and its affecting to Vietnam's economy growth is essential. On this basis, the article identifies the opportunities and challenges for Vietnam's economic growth in the period ahead, and give some suitable suggestions for Vietnam with the aim to get the most benefits from trade liberalization in the AEC and TPP.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] ASEAN (2011), *Cộng đồng kinh tế ASEAN – Sổ tay thông tin cho doanh nghiệp*, Jakarta: Ban thư ký ASEAN.
- [2] FAO (2007), *Các quy định, tiêu chuẩn và chứng nhận đối với nông sản xuất khẩu*.
- [3] International Labour Organization (2014), *Education-Business mismatch worsens already low workforce quality and productivity*, Newletter.
- [4] Nguyễn Hồng Sơn, Nguyễn Anh Thu (2015), *Cộng đồng kinh tế ASEAN (AEC) – Bối cảnh và kinh nghiệm quốc tế*, NXB Đại học quốc gia Hà Nội.

- [5] Peter A. Petri, Michael G. Plummer and Fan Zhai (2011), *The Trans-Pacific Partnership and Asia Pacific Intergration: A Quantitative Assessment*, East-West Center Working Papers.
- [6] Peter A. Petri, Michael G. Plummer (2014), *ASEAN centrality and the ASEAN-US economic relationship*, East-West Center Working Papers.
- [7] Tổng cục Hải quan Việt Nam (2015), *Niên giám thống kê hải quan về hàng hóa xuất khẩu nhập khẩu Việt Nam 2014 (bản tóm tắt)*.
- [8] Viện Nghiên cứu Quản lý Kinh tế Trung ương (2014), *Tiến trình hình thành cộng đồng kinh tế ASEAN: Kinh nghiệm hội nhập và những thách thức đối với Việt Nam*, Trung tâm thông tin – tư liệu.
- [9] Viện Nghiên cứu Quản lý Kinh tế Trung ương (2011), *Ứng dụng khoa học và công nghệ trong phát triển kinh tế*, Trung tâm thông tin – tư liệu.
- [10] World Economic Forum (2015), *The Global Competitiveness Report 2015 - 2016*.
- [11] World Trade Organization (from 2006 to 2015), *Trade Profiles*.
- [12] <http://baocongthuong.com.vn/lo-trinh-cat-giam-thue-quan-trong-cac-fta.html>.
- [13] http://www.nhandan.com.vn/mobile/_mobile_kinhte/_mobile_tintuc/item/26912402.html
- [14] http://www.mof.gov.vn/portal/page/portal/mof_vn/1539781.
- [15] http://www.most.gov.vn/Desktop.aspx/Bai-viet-Hoat-Dong-KHCN/Chien-luoc-quy-hoach-ke-hoach/THUC_TRANG_KHOA_HOC_VA_CONG_NGHE_VIET_NAM/
- [16] <http://www.trungtamwto.vn/.../hiiep-dinh-thuong-mai-hang-hoa-asean-atiga>.
- [17] <http://www.trungtamwto.vn/chuyen-de/tpp>.
- [18] <http://www.worldbank.org/vi/news/press-release/2014/11/24/enhancing-science-technology-and-innovation-to-drive-sustained-growth-in-vietnam>.

- Ngày nhận bài: 25/05/2016
- Chấp nhận đăng: 30/07/2016

Liên hệ: **Trần Tấn Hùng**
Trường Đại học Thủ Dầu Một
Email: hungtt@tdmu.edu.vn